

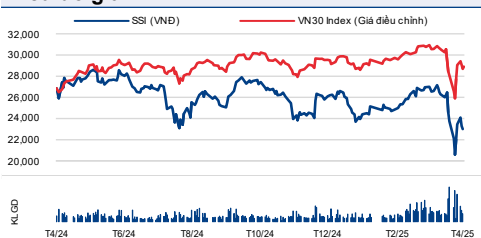
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ30,900
Tiềm năng tăng/giảm: 33.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/4/2025)	23,100
Mã Bloomberg	SSI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,600-28,730
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	23,375
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	45,322
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,751
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,962
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,962
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,112
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	43.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (15.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	73,507	87,481	103,320
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	21,999	25,298	34,153
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	8,528	9,392	11,310
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,845	3,361	4,127
BVPS (đồng)	13,603	13,893	14,522
EPS (đồng)	1,512	1,588	1,941
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,200
T.trưởng tổng tài sản (%)	6.16	19.0	18.1
T.trưởng c.vay KQ (%)	45.4	15.0	35.0
T.trưởng DT HĐ (%)	19.2	10.1	20.4
Tăng trưởng EPS (%)	(2.54)	5.02	22.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	66.1	63.0	61.8
ROAE (%)	11.4	12.0	13.7
ROAA (%)	3.99	4.18	4.33
Tỷ lệ CIR (%)	42.1	35.8	34.0
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.11	0.11	0.11
Vòng quay tổng TS (%)	11.9	11.7	11.9
Đòn bẩy vốn (%)	276	297	334
Thị phần môi giới CP (%)	9.50	10.0	10.5
P/E (lần)	15.3	14.5	11.9
P/B (lần)	1.70	1.66	1.59
Lợi suất cổ tức (%)	4.33	4.33	5.19

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

SSI là một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, với thị phần khoảng 10%. Công ty phát triển cân bằng giữa nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

ĐHCĐ đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 20%; Q1/2025 tăng 8%

- SSI đặt kế hoạch LNTT năm 2025 đạt 4.252 tỷ đồng, tăng trưởng 20% và sát với dự báo của chúng tôi. Kế hoạch phân phối lợi nhuận bao gồm cổ tức tiền mặt 1.000đ/cp, phát hành 10 triệu cổ phiếu ESOP, tương đương năm trước.
- KQKD Q1/2025 vững chắc với LNTT đạt 1.017 tỷ đồng (tăng 8%) nhờ mảng cho vay ký quỹ mở rộng và cắt giảm chi phí hoạt động.
- SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,5 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 ở mức 17,7 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: ĐHCĐ năm 2025 tổ chức ngày 18/4/2025

SSI đã tổ chức ĐHCĐ năm 2025 vào ngày 18/4/2025. Cổ đông tham dự đầy đủ và đã thông qua tất cả các tờ trình. SSI cũng đã công bố BCTC riêng Q1 với LNTT đạt 1.017 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ), bằng 24% dự báo cả năm và sát với dự báo Q1 của chúng tôi.

Kế hoạch lợi nhuận vững chắc cho năm 2025

SSI đặt kế hoạch tài chính vững chắc cho năm 2025 như sau:

- BLĐ đánh giá về thị trường: Chỉ số VNIndex đạt khoảng 1.450-1.500 vào cuối năm; và
- Thanh khoản bình quân ngày đạt 19.000 tỷ đồng, thấp hơn so với dự báo của chúng tôi ở mức 24.700 tỷ đồng.
- Doanh thu đạt 9.695 tỷ đồng (tăng trưởng 11%), cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 9.392 tỷ đồng.
- LNTT đạt 4.252 tỷ đồng (tăng trưởng 20%), sát với dự báo của chúng tôi ở mức 4.201 tỷ đồng.

Mặc dù SSI đặt kế hoạch ban đầu trước khi ông Trump thông báo về chính sách thuế quan, BLĐ đã xem xét lại từng phân khúc kinh doanh và quyết định giữ nguyên kế hoạch này, từ đó cho thấy sự lạc quan của BLĐ đối với HĐKD vững chắc của Công ty. HSC đồng ý với nhận định này nhờ thu nhập ổn định của SSI được đóng góp từ mảng cho vay ký quỹ và tự doanh (chủ yếu là thu nhập cố định), giúp củng cố sự ổn định của Công ty trong bối cảnh thị trường và nền kinh tế có nguy cơ biến động mạnh. Đây cũng là nguyên nhân kế hoạch của SSI sát với dự báo của chúng tôi mặc dù giả định thanh khoản của Công ty thận trọng hơn so với chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2025, SSI

SSI hoàn thành 24% dự báo cả năm của chúng tôi, sát với ước tính

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	Dự báo 2025 của HSC	% dự báo
Tổng thu nhập HĐ	1,384	1,510	9%	6,375	24%
Môi giới	102	64	-37%	513	12%
HĐ tự doanh	822	808	-2%	3196	25%
Cho vay ký quỹ	447	628	40%	2601	24%
Khác	13	11	-15%	65	17%
Lỗ tài chính	(366)	(448)	22%	(1,827)	25%
Chi phí HĐ	(76)	(46)	-39%	(347)	13%
Thu nhập khác	0	2		0	
LNTT	943	1,017	8%	4,201	24%
Lợi nhuận thuần	770	819	6%	3,361	24%

Nguồn: SSI, HSC

Kế hoạch phân bổ lợi nhuận & tăng vốn

Cổ tức: ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt 1.000đ/cp, tương đương lợi suất cổ tức vững chắc 4,3%. Tổng số tiền chi trả cổ tức là 1.953 tỷ đồng (tương đương 7% vốn CSH của SSI, 54% lợi nhuận thuần năm 2024).

Kế hoạch phát hành ESOP: Tối đa 10 triệu cổ phiếu (tương đương 0,51% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) sẽ được phát hành với giá 10.000đ/cp. Thời hạn chế giao dịch bao gồm 50% sẽ được chuyển nhượng sau 2 năm và 50% sau 3 năm. Thời điểm phát hành dự kiến diễn ra trong năm 2025–2026.

Kế hoạch phát hành riêng lẻ: SSI lên kế hoạch phát hành riêng lẻ 104 triệu cổ phiếu (tương đương 5,3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) trong năm 2025-2026. Tuy nhiên, BLĐ cho biết kế hoạch này không phải là ưu tiên trong ngắn hạn.

LNTT Q1 đạt 1.017 tỷ đồng (tăng 8%), sát với dự báo

SSI công bố LNTT Công ty mẹ đạt 1.017 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ, bằng 24% dự báo cả năm và sát với dự báo Q1 của chúng tôi. Cơ cấu theo các mảng kinh doanh chính bao gồm:

Mảng nghiệp vụ môi giới: Doanh thu nghiệp vụ môi giới đạt 328 tỷ đồng, giảm 2% so với quý trước và giảm 30% so với cùng kỳ, do thanh khoản thị trường giảm xuống (17,4 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025, giảm 3% so với quý trước và giảm 28% so với cùng kỳ). Thị phần của SSI tăng lên 9,93%, tăng 74 điểm cơ bản so với quý trước, có thể do một số giao dịch thỏa thuận lớn trong quý.

Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới giảm mạnh 20% so với quý trước và giảm 28% so với cùng kỳ, nâng lợi nhuận nghiệp vụ môi giới lên 64 tỷ đồng (tăng 7 lần so với quý trước nhưng giảm 37% so với cùng kỳ).

Tỷ lệ phí giữ lại tăng đáng kể lên 20% từ 2% trong Q4/2024 và 23% trong Q1/2024.

Lãi từ cho vay ký quỹ tăng mạnh lên 628 tỷ đồng (tăng 10% so với quý trước và tăng 40% so với cùng kỳ) nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng mạnh lên 27,2 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với quý trước và tăng 55% so với cùng kỳ). Tỷ lệ cho vay ký quỹ/vốn CSH của SSI trong Q1/2025 tăng mạnh lên 101% từ mức 85% trong Q4/2024.

Cạnh tranh để nhanh chóng mở rộng mảng cho vay ký quỹ đã làm giảm lãi suất cho vay ký quỹ, giảm 80 điểm cơ bản so với quý trước xuống 10,2%, trong khi chi phí huy động ổn định so với quý trước ở mức 3,7%. Từ đó, tỷ lệ NIM mảng cho vay ký quỹ giảm xuống 6,5% từ 7,5% trong Q4/2024.

Kế hoạch dư nợ cho vay ký quỹ bình quân trong năm 25 đạt 26 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 18%), cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi (25,2 nghìn tỷ đồng), có thể hoàn thành nhờ năng lực tài chính vững chắc của SSI, mặc dù có thể sẽ phải đối mặt với những khó khăn từ chính sách thuế quan.

Lãi hoạt động tự doanh giảm 2% so với cùng kỳ xuống 808 tỷ đồng, chủ yếu bao gồm lãi từ tài sản tài chính FVTPL (747 tỷ đồng) và lãi từ tài sản tài chính HTM (84 tỷ đồng). Lợi suất mảng tự doanh đạt 6,7%, so với 6,4% trong Q4/2024 và 7,4% trong Q1/2024.

Danh mục đầu tư của SSI chủ yếu vẫn là tài sản thu nhập cố định, trong đó trái phiếu, tiền gửi (FVTPL) ở mức 46 nghìn tỷ đồng (tương đương 57% tổng tài sản) và tiền gửi tiết kiệm dài hạn (HTM) ở mức 6 nghìn tỷ đồng. Danh mục AFS ở mức 431 tỷ đồng.

Tài sản số: Tiềm năng nhưng cần khung pháp lý rõ ràng

Tại ĐHCĐ, Chủ tịch Nguyễn Duy Hưng đã chia sẻ tầm nhìn chiến lược của SSI về lĩnh vực tài sản số, bao gồm tiền điện tử. Ông nhấn mạnh tiềm năng mạnh mẽ và tầm quan trọng của việc xây dựng nền tảng chuyên môn cần thiết trong

lĩnh vực đầy triển vọng này. SSI Digital Ventures, trực thuộc SSI Asset Management (SSIAM), đã tích cực nghiên cứu thử nghiệm về các lĩnh vực công nghệ bao gồm thị trường tài sản số.

Tuy nhiên, trong tương lai gần, ông Hưng đã chỉ rõ rằng SSI hiện không có lợi ích kinh tế trực tiếp với các tài sản số do Việt Nam chưa có khuôn khổ pháp lý rõ ràng và cơ chế thương mại hợp pháp. Chúng tôi đồng ý rằng quá trình phát triển tài sản số sẽ cần nhiều thời gian khi tình hình pháp lý có sự mở cửa cho loại hình tài sản mới này.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Sau đợt bán tháo gần đây, SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,5 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 ở mức 17,7 lần và thấp hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 17,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu cho SSI.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,502	1,667	1,795	2,095	2,490
Lãi cho vay ký quỹ	1,568	2,079	2,601	3,270	4,057
Doanh thu HĐ tự doanh	3,647	4,355	4,564	5,468	6,331
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	50.0	35.0	40.0	46.0	55.0
Thu nhập HĐ khác	390	392	392	431	475
Doanh thu HĐ	7,157	8,528	9,392	11,310	13,408
Chi phí HĐ	(2,771)	(3,590)	(3,365)	(3,849)	(4,591)
Lợi nhuận HĐ	4,386	4,938	6,027	7,461	8,817
Lợi nhuận tài chính	(1,514)	(1,396)	(1,827)	(2,303)	(2,612)
Lợi nhuận khác	1.00	0	0	0	0
LNTT	2,873	3,542	4,200	5,158	6,205
Chi phí thuế TNDN	(554)	(698)	(840)	(1,032)	(1,241)
LNST	2,319	2,844	3,360	4,126	4,964
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	2,320	2,845	3,361	4,127	4,965

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	494	239	4,157	2,597	3,320
Phải thu	590	801	862	1,006	1,196
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	109	1,055	1,154	1,385	1,691
Tài sản tài chính	64,562	68,838	78,654	95,524	109,378
FVTPL	44,072	42,438	48,804	56,612	63,406
HTM	4,973	3,894	4,089	4,293	4,508
Cho vay ký quỹ	15,134	21,999	25,298	34,153	40,983
AFS	416	562	609	730	876
Dự phòng	(32.7)	(55.1)	(145)	(265)	(395)
Đầu tư dài hạn	2,821	1,626	1,626	1,626	1,626
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	650	687	687	687	687
Đầu tư dài hạn khác	2,172	938	938	938	938
Tài sản cố định	269	231	254	280	308
Tài sản khác	395	718	773	902	1,073
Tổng tài sản	69,241	73,507	87,481	103,320	118,593
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	43,169	45,502	56,594	70,743	83,477
Trái phiếu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	2,832	1,179	1,269	1,481	1,761
Nợ phải trả	46,000	46,681	57,864	72,225	85,238
Vốn chủ sở hữu	23,100	26,676	29,480	30,960	33,220
Vốn điều lệ	15,011	19,639	21,216	21,316	21,416
Thặng dư vốn cổ phần	3,299	1,094	4,050	4,050	4,050
Lợi nhuận giữ lại	4,696	5,856	3,429	4,473	6,220
Quỹ & vốn khác của CSH	113	107	786	1,122	1,535
Lợi ích cổ đông thiểu số	141	151	136	135	135
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	69,241	73,507	87,481	103,320	118,593

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	32.6	6.16	19.0	18.1	14.8
Tăng trưởng cho vay (%)	36.9	45.4	15.0	35.0	20.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	(10.0)	81.6	7.70	16.7	18.9
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	54.8	5.40	24.4	25.0	18.0
Tăng trưởng VCSH (%)	3.84	15.5	10.5	5.02	7.30
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	13.0	19.2	10.1	20.4	18.5
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	7.66	29.6	6.27	14.4	19.3
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	31.5	12.6	22.1	23.8	18.2
Tăng trưởng LNTT (%)	36.2	23.3	18.6	22.8	20.3
Tăng trưởng LNST (%)	36.6	22.6	18.1	22.8	20.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	36.6	22.6	18.1	22.8	20.3
Định giá					
P/E (lần)	14.9	15.3	14.5	11.9	9.94
P/B (lần)	1.50	1.70	1.66	1.59	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	4.33	4.33	4.33	5.19	5.19

Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,552	1,512	1,588	1,941	2,324
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000	1,200	1,200
BVPS (đồng)	15,390	13,603	13,893	14,522	15,509
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,495	1,881	2,116	2,126	2,136
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,501	1,961	2,122	2,132	2,142
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,794	1,881	2,116	2,126	2,136
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.82	3.99	4.18	4.33	4.47
ROAE (%)	10.2	11.4	12.0	13.7	15.5
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	12.0	11.2	11.0	11.0	10.8
Chi phí vay nợ BQ (%)	4.40	3.40	4.00	4.50	4.60
Phí môi giới thuần (%)	0.01	0.02	0.03	0.03	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	38.7	42.1	35.8	34.0	34.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	64.4	66.1	63.0	61.8	51.6
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	10.4	9.50	10.0	10.5	11.0
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn